

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH XÉT TUYỂN ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
1	1003	6720201	2013	Dương Tuấn	Anh	17/02/1995	Nam	1901		19018	2NT	6.6	6.4	6.8	20.3
2	1728	6720201	2023	Trần Thị Vân	Anh	3/10/2005	Nữ	1903		48036	1	6.6	7.4	7.2	22.0
3	1049	6720201	2015	Nguyễn Thị	Chinh	1/10/1997	Nữ	1907		19027	2	7.3	7.4	7.3	22.3
4	1605	6720201	2013	Nguyễn Cảnh	Cung	9/12/1995	Nam	1901		29069	1	6.2	7.1	7.1	21.2
5	1077	6720201	2015	Nguyễn Thị	Dung	15/09/1997	Nữ	1901		19018	2NT	7.1	7.4	7.9	22.9
6	1298	6720201	2011	Nguyễn Thị Thùy	Dung	24/02/1993	Nữ	2102		19011	2NT	7.3	7.3	7.6	22.7
7	1671	6720201	2017	Trần Thị	Hà	16/01/1999	Nữ	4603		19026	2NT	7.4	8	7.8	23.7
8	1043	6720201	2010	Đàm Thị	Hạnh	5/9/1992	Nữ	1901		19050	2	8.4	8.1	8.3	25.1
9	1352	6720201	2011	Nguyễn Thị	Hậu	13/04/1993	Nữ	1905		1059	3	7.8	7.6	7.6	23.0
10	1096	6720201	2012	Vũ Thị	Hồng	2/6/1994	Nữ	1901		19014	2NT	6.4	6.7	6.9	20.5
11	1123	6720201	2021	Nguyễn Ngọc	Hồng	25/12/2003	Nữ	1904		19020	2NT	7.3	7.6	8	23.4
12	1652	6720201	2017	Nguyễn Thị Thuý	Hương	30/09/1999	Nữ	1908		19024	2NT	7.5	7.5	8.1	23.6
13	991	6720201	2021	Nguyễn Thanh	Huyền	15/07/2003	Nữ	1902		19018	2NT	8.1	8.4	8.8	25.8
14	1262	6720201	2006	Ngô Thị	Mai	17/09/1988	Nữ	1906		19024	2NT	7.4	7.5	7.2	22.6
15	1182	6720201	2002	Nguyễn Quang	Nam	9/10/1982	Nam	1905		19025	2	6.4	6.6	6.1	19.4
16	1310	6720201	2017	Dương Thị Thanh	Nam	2/8/1999	Nữ	1904		19024	2NT	7.5	7.8	7.8	23.6
17	1498	6720201	2024	Lương Thuý	Nga	15/06/2006	Nữ	1902		19037	2	6.3	6.8	7.2	20.6
18	773	6720201	2003	Đào Thị Bích	Ngọc	12/2/1985	Nữ	1809		18019	1	6.8	6.8	6.7	21.1
19	1099	6720201	2010	Trần Thị Bảo	Ngọc	15/10/1992	Nữ	1902		18029	1	7.1	7.3	6.7	21.9
20	1044	6720201	2008	Bùi Thị	Nhân	18/05/1990	Nữ	1908		23027	1	7.6	7	7.2	22.6
21	1095	6720201	2006	Nguyễn Thị	Phuong	15/07/1988	Nữ	1904		18034	1	5.7	5.6	6	18.1

